Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8512.30.91

Mã HS	8512.30.91
Mô tả hàng hóa	Thiết bị chiếu sáng hoặc thiết bị tín hiệu hoạt động bằng điện (trừ loại thuộc nhóm 85.39), gạt nước, gạt và chống tạo sương và tuyết trên kính chắn, loại dùng cho xe đạp hoặc xe có động cơ / - Thiết bị tín hiệu âm thanh: / - - Loại khác: / - - - Thiết bị dò chướng ngại vật (cảnh báo) cho xe
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 14:37:37
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85123091/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15232
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15232
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15232
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-PH, CN)	0% (trừ PH, CN)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-PH)	0% (trừ PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	8	8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục B)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục C)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14536
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14477
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14477
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14477
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14477
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14477
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14477
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E14531
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14531
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14531
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14531

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14531
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14531
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14532
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14532
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14532
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14532
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14532
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14532
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14535
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14483
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14491
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14491
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14491
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14491
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14491
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14491
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14522
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14522
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14522
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14522
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14522
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14522
VCFTA	2022	2022	4	VC!D14577
VCFTA	2023	2023	2	VC!E14577
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14577
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14577

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14577
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14577
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14554
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14554
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14554
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14554
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14554
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14554
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D14554
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E14554
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F14554
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G14554
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H14554
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I14554
EVFTA	2022	2022	10	EV-NK!D14569
EVFTA	2023	2023	6,6	EV-NK!E14569
EVFTA	2024	2024	3,3	EV-NK!F14569
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14569
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14569
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14569
UKVFTA	2022	2022	10	UKV!D14568
UKVFTA	2023	2023	6,6	UKV!E14568
UKVFTA	2024	2024	3,3	UKV!F14568
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14568
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14568
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14568

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14561
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14561
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14561
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14561
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14561
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14561
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14561
RCEP A	2022	2022	20	RCEPT-A!D14556
RCEP A	2023	2023	20	RCEPT-A!E14556
RCEP A	2024	2024	20	RCEPT-A!F14556
RCEP A	2025	2025	20	RCEPT-A!G14556
RCEP A	2026	2026	20	RCEPT-A!H14556
RCEP A	2027	2027	20	RCEPT-A!I14556
RCEP B	2022	2022	20	B!D14556
RCEP B	2023	2023	20	B!E14556
RCEP B	2024	2024	20	B!F14556
RCEP B	2025	2025	20	B!G14556
RCEP B	2026	2026	20	B!H14556
RCEP B	2027	2027	20	B!I14556
RCEP C	2022	2022	*	C!D14556
RCEP C	2023	2023	*	C!E14556
RCEP C	2024	2024	*	C!F14556
RCEP C	2025	2025	*	C!G14556
RCEP C	2026	2026	*	C!H14556
RCEP C	2027	2027	*	C!I14556
RCEP D	2022	2022	20	D!D14555

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	20	D!E14555
RCEP D	2024	2024	20	D!F14555
RCEP D	2025	2025	20	D!G14555
RCEP D	2026	2026	20	D!H14555
RCEP D	2027	2027	20	D!I14555
RCEP E	2022	2022	20	E!D14559
RCEP E	2023	2023	20	E!E14559
RCEP E	2024	2024	20	E!F14559
RCEP E	2025	2025	20	E!G14559
RCEP E	2026	2026	20	E!H14559
RCEP E	2027	2027	20	E!I14559
RCEP F	2022	2022	20	F!D14556
RCEP F	2023	2023	20	F!E14556
RCEP F	2024	2024	20	F!F14556
RCEP F	2025	2025	20	F!G14556
RCEP F	2026	2026	20	F!H14556
RCEP F	2027	2027	20	F!I14556
VIFTA	2024	2024	16	VI!F13546
VIFTA	2025	2025	12	VI!G13546
VIFTA	2026	2026	8	VI!H13546
VIFTA	2027	2027	4	VI!I13546

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	RCEP (Phụ lục A) 20%, RCEP (Phụ lục B) 20%, RCEP (Phụ lục D) 20%, RCEP (Phụ lục E) 20%, RCEP (Phụ lục F) 20%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (20%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 20%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8512.30 có 4 dòng thuế; dòng 8512.30.91 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Thiết bị dò chướng ngại vật (cảnh báo) cho xe.	8512.30.10 Còi, đã lắp ráp; 8512.30.20 Thiết bị tín hiệu âm thanh chưa lắp ráp; 8512.30.99 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-005	BLUE	Có mã Chương 98 tương ứng	Mã 8512.30.91 có mã Chương 98 tương ứng 9849.30.33 (thuế MFN riêng: 0%). Chỉ áp dụng khi đáp ứng điều kiện của Chương 98.	- - - - Thiết bị dò chướng ngại vật (cảnh báo) cho xe cộ	26/2023/NĐ-CP	Đọc điều kiện tại Chương 98 (Nghị định 26/2023/NĐ-CP và sửa đổi).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8512.30.91. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 8512.30.91 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15232), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.